

Số: /HD-SNV

Lạng Sơn, ngày tháng 10 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Hồ sơ thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế. Để việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đúng quy định, Sở Nội vụ hướng dẫn hồ sơ đề nghị thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. VỀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ

- Văn bản đề nghị tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị.
- Biên bản họp, xét duyệt tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị.
- Biểu tổng hợp danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (theo biểu mẫu đính kèm).
- Biểu tính kinh phí tinh giản biên chế của từng cá nhân (theo biểu mẫu đính kèm) có đóng dấu treo của cơ quan, đơn vị.
- Bản kê khai quá trình đóng BHXH, BHYT của cá nhân được cơ quan BHXH xác nhận (mẫu số 07/SBH).
- Quyết định phê chuẩn bố trí công tác đối với cán bộ, Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng (bản Photo).
- Các Quyết định nâng lương, các quyết định liên quan đến phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung hoặc hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) trong 5 năm cuối (60 tháng) trước thời điểm tinh giản biên chế (bản photo).
- Văn bằng chứng chỉ về trình độ chuyên môn cao nhất (bản Photo).
- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, đề nghị bổ sung thêm thành phần hồ sơ tương ứng với từng trường hợp tinh giản biên chế, cụ thể:
 - Đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, gồm:

Đề án, Quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự của cơ quan có thẩm quyền.
 - Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Đề án, Nghị quyết về việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của cấp có thẩm quyền.

9.3. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức (*theo mẫu 2C-BNV*); Quyết định phê duyệt đề án VTVL của cấp có thẩm quyền; Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.4. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức (*theo mẫu 2C-BNV*); Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của cấp có thẩm quyền; phân công nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.5. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

- *Trường hợp có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ:*

Quyết định đánh giá xếp loại chất lượng của cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế (*bản dấu đỏ hoặc photo chứng thực*).

- *Trường hợp trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức Hoàn thành nhiệm vụ trở xuống nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý:*

Quyết định đánh giá xếp loại chất lượng của cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức (*bản dấu đỏ hoặc photo chứng thực*); Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.6. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

- *Trường hợp có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định:*

Xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật (*bản photo*).

- *Trường hợp trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét TGBC có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định:*

Xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật (*bản photo*); Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.7. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định của cấp có thẩm quyền về sắp xếp tổ chức bộ máy; Quyết định của cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, chức danh do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.8. Đối tượng tinh giản biên chế theo điểm h khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền (*bản dấu đỏ hoặc photo chứng thực*); Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có xác nhận đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*theo mẫu đính kèm*).

9.9. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự của cơ quan có thẩm quyền.

9.10. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Nghị quyết về việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã của cấp có thẩm quyền.

9.11. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Thành phần hồ sơ tương tự như mục 9.1; 9.5; 9.6 hướng dẫn này.

9.12. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định của cấp có thẩm quyền về thực hiện cổ phần hoá, bán toàn bộ doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp công lập.

9.13. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định của cấp có thẩm quyền về sắp xếp lại doanh nghiệp.

9.14. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 4 Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Quyết định của cấp có thẩm quyền về sắp xếp quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

9.15. Đối tượng tinh giản biên chế theo khoản 5 Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

Thành phần hồ sơ tương tự như mục 9.2 hướng dẫn này.

II. SỐ LƯỢNG HỒ SƠ

Hồ sơ được lập thành **02 bộ** (*01 bộ gửi Sở Nội vụ thẩm định, 01 bộ lưu tại cơ quan, đơn vị*).

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Định kỳ (04 đợt/năm) các cơ quan, đơn vị tổng hợp danh sách, dự toán kinh phí, hồ sơ thực hiện tình giản biên chế gửi Sở Nội vụ (*cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định*) để tổng hợp, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, cụ thể:

1. Đợt I: Các đối tượng có thời điểm tình giản biên chế từ ngày 01/01 đến ngày 01/3 hằng năm. Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/11 năm trước liền kề**.

2. Đợt II: Các đối tượng có thời điểm tình giản biên chế từ ngày 01/4 đến ngày 01/6 hằng năm. Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/02 hằng năm**.

3. Đợt III: Các đối tượng có thời điểm tình giản biên chế từ ngày 01/7 đến ngày 01/9 hằng năm. Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/5 hằng năm**.

4. Đợt IV: Các đối tượng có thời điểm tình giản biên chế từ ngày 01/10 đến ngày 01/12 hằng năm. Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/8 hằng năm**.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ trước ngày **15 tháng 01 hằng năm**, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện chính sách tình giản biên chế của năm trước liền kề gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định.

Hướng dẫn này thay thế các văn bản trước đây liên quan đến việc hướng dẫn thực hiện tình giản biên chế. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ¹ Sở Nội vụ để thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Các ĐVSN trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Các DN có vốn nhà nước;
- Các Hội được giao biên chế;
- Phòng NV các huyện, TP;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCBC (LTHT).

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hiền

¹ Ông Hoàng Xuân Liêm, Trưởng phòng Tổ chức, biên chế và Cải cách hành chính: 0924.999.688
Bà Lý Thị Hoài Thu, Chuyên viên phòng Tổ chức, biên chế và Cải cách hành chính: 0983.026.846